

Bản án số: 56/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huân và ông Đoàn Văn Đoàn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2017/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2017/QĐXX - HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn S, sinh ngày 18/5/1988; sinh trú quán: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; con ông Nguyễn Quốc S (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2017 cho đến ngày 4/11/2017 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt);

- Người bị hại: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; trú tại: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Lê Văn C, sinh năm 1965 là bố đẻ chị H; bà Phạm Thị N, sinh năm 1971 là mẹ đẻ chị H và anh Lê Văn C, sinh năm 1995 là em trai chị H; đều trú tại: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại: Ông Phan Văn D, sinh năm 1973, trú tại: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tạ Quang T, sinh năm 1989; trú tại: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 24 phút ngày 25/7/2017, Nguyễn Văn S có giấy phép lái xe ô tô hạng FC, thời hạn sử dụng đến ngày 18/9/2020 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp theo quy định, lái xe thuê cho anh Tạ Quang T ở thôn G, xã T. Điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 88C - 064.44 theo hướng từ quốc lộ 2C ra quốc lộ 2A đường tránh thành phố V. Đến vị trí cách ngã tư giao nhau với quốc lộ 2A khoảng 40m thuộc địa phận thôn H, xã Đ. S điều khiển xe đi ở làn đường giữa, dành cho các phương tiện đi thẳng qua ngã tư với vận tốc khoảng từ 65 đến 70km/h thì xi nhan đồng thời đánh lái sang bên phải theo chiều đi của mình để cho xe ô tô chuyển hướng rẽ vào quốc lộ 2A. Do không giảm tốc độ khi cho xe chuyển hướng, không chú ý quan sát và chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn nên phần mặt lăn, má lốp của bánh xe ô tô bên phải do S điều khiển đã va chạm với mặt sau bên trái cung chắn bùn phía sau của xe mô tô biển kiểm soát 88L1 - 308.26 đi cùng chiều phía trước do chị Lê Thị H ở thôn T, xã B, huyện V điều khiển. Hậu quả, làm cho chị H bị ngã xuống đường và tử vong tại chỗ, còn xe mô tô của chị H bị cuốn vào gầm xe ô tô và kéo rê về phía trước khoảng 30m bị hư hỏng nhẹ.

Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án; khám nghiệm tử thi và khám nghiệm các phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 159/TT ngày 26/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị Lê Thị H là do sốc đa chấn thương không hồi phục.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn S và anh Tạ Quang T là chủ xe ô tô biển kiểm soát 88C - 064.44 đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó của Nguyễn Văn S là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), của anh Tạ Quang T là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có

yêu cầu gì khác về mặt dân sự đồng thời có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn S.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C – 064.44 quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ. Chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của anh Tạ Quang T nên ngày 07/8/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T. Sau khi nhận lại xe, anh T không có yêu cầu gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 308.26, quá trình điều tra đã làm rõ. Chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của chị H nên trả lại cho gia đình chị H.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng, anh Tạ Quang T tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để khắc phục hậu quả. Đến nay các bên đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên trả lại cho anh T.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho Nguyễn Văn S 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC có số 260019260561 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/9/2015, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn S cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như các lời khai của bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khai tại Cơ quan điều tra.

Bản cáo trạng số: 57/KSĐT – TA ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ được. Từ đó có đủ cơ sở để xác định, bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn S và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản

1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách đối với S từ 24 tháng đến 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo S cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn S là cấm bị cáo hành nghề lái xe trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn S không có ý kiến gì tham gia tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau;

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

Về hành vi thực hiện phạm tội của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố mà không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng đã thu thập được từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 07 giờ 24 phút ngày 25/7/2017, Nguyễn Văn S lái xe thuê cho anh Tạ Quang T có giấy phép lái xe ô tô hạng FC theo quy định. Điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Huyndai biển kiểm soát 88C – 064.44 đi theo hướng từ quốc lộ 2C ra quốc lộ 2A đường tránh thành phố V. Đến vị trí cách ngã tư giao nhau với

quốc lộ 2A thuộc địa phận thôn H, xã Đ, huyện Y. Khi cho xe ô tô chuyển hướng, S không giảm tốc độ, không chú ý quan sát và chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn nên xe ô tô của S đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 88L1 - 308.26 đi cùng chiều phía trước do chị Lê Thị H điều khiển. Hậu quả, làm cho chị H bị ngã xuống đường và tử vong tại chỗ, còn xe mô tô của chị H bị cuốn vào gầm xe ô tô và kéo rê về phía trước khoảng 30m bị hư hỏng nhẹ.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn S đã phạm vào khoản 1 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ và khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Thông tư liên tịch số: 91 ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải.

Tại khoản 1 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ quy định về chuyển hướng xe:

“1. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ”.

Khoản 2, 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 91 quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ:

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

2. Chuyển hướng xe chạy

3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức...”.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 202 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác; làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình người bị hại; gây hoang mang lo lắng cho những người tham gia giao thông. Trong những năm qua mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm giảm bớt các vụ tai nạn giao thông nhưng tình trạng vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông vẫn chưa thuyên giảm, thiệt hại về người và tài sản do các vụ giao thông gây ra còn nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, nhưng chủ yếu vẫn là do ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ của người tham gia giao thông còn kém, một phần là do không hiểu biết về các quy định của Nhà nước về an toàn giao thông, một phần là do người tham gia

giao thông biết nhưng cố tình vi phạm; ở vụ án này, bị cáo là người có giấy phép lái xe ô tô cho nên bị cáo nhận thức được việc khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện giao thông cần phải tuân thủ các quy tắc về giao thông nhưng bị cáo đã không chấp hành dẫn đến tai nạn. Hậu quả làm cho chị H bị tử vong, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, ý thức chấp hành luật giao thông của bị cáo kém. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo ở mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại, đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng cho nên không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giúp bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo S và anh Tạ Quang T là chủ xe ô tô biển kiểm soát 88C - 064.44 đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó của bị cáo S là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), của anh T là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C – 064.44 quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ. Chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của anh Tạ Quang T nên ngày 07/8/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T. Sau khi nhận lại tài

sản, anh T không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 308.26 quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ. Chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của chị H nên cần được trả lại cho gia đình chị H.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng, anh Tạ Quang T đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc để khắc phục hậu quả, đến nay các bên đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường. Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần được trả lại cho anh T.

Về hình phạt bổ sung: Hậu quả xảy ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo hoàn toàn là do lỗi của bị cáo. Lái xe ô tô là nghề nghiệp chính của bị cáo cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo một thời gian nhất định.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC có số 260019260561 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/9/2015, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (Một) năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Văn S hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 (Một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho gia đình chị Lê Thị H 01 xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 308.26; trả

lại cho anh Tạ Quang T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là số tiền, anh T đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S 01 giấy phép lái xe mô tô hạng FC có số 260019260561 do Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/9/2015, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Chi cục thi hành án huyện Yên Lạc và Công an huyện Yên Lạc ngày 06/11/2017).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- UBND xã nơi bị cáo đang cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án; bộ phận theo dõi THA.HS; VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

